

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2020/HS-ST

Ngày: 29 / 9 / 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lư Thị Châu Ngọc.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Ánh Linh;
2. Ông Trương Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyên Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn B1 (Bọ), sinh ngày 28/7/1994; tại Long Xuyên - An Giang; nơi cư trú: tổ 10, khóm K1, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thành A1 và bà Trần Kim A2; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai, vợ Võ Thị Thùy Trang, sinh năm 1996; con 02 người, con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 30/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong và được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 11/6/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hoài B2, sinh ngày 09/01/2001, tại Châu Đốc – An Giang; nơi cư trú: Tổ 7, khóm X, phường T, thành phố K, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh A3 và bà Lê Thị A4; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người cuối cùng.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đăng B3, sinh ngày 28/12/1988, tại Châu Đốc – An Giang; nơi cư trú: Tổ 7, khóm X, phường T, thành phố K, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn A5 và bà Lê Bích A6; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ nhất.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 12/02/2019, Ủy Ban nhân dân phường T, thành phố K, Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng, chấp hành xong.

Bị cáo tại ngoại; áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 06/8/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Tổ 07, khóm K1, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Ông Lê Chí T, sinh năm 1974, nơi cư trú: Tổ 09, khóm K1, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ 8, khóm K1, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đặng Ngọc H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 17, ấp N, xã M, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. Ông SaL, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Phi S, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ 6A, khóm L1, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 9, khóm K1, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

5. Ông Dương P2, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khóm M, phường P, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ 9, khóm 1, phường T, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

7. Ông Quách Văn L1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Mỹ Thuận, xã Vĩnh Châu, thành phố K, tỉnh An Giang; có mặt.

8. Ông Trần Bích T1, sinh năm 1975; nơi cư trú: Tổ 4, khóm TC, phường T, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

9. Ông Huỳnh Thành D, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm K1, phường X, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ 11, khóm 1, phường T, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ 1: Khoảng 03 giờ ngày 04/5/2020, Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2 rủ nhau đến Cơ sở hoa kiểng “T.P” (tổ 7, khóm K1, phường X, thành phố K) tìm tài sản lấy trộm; thấy xe mô tô, biển số 67M8 – 3121 của chị Lê Thị P không người trông giữ, B1 cảnh giới B2 dùng kiềm cắt lưới rào B40, lén vào lấy trộm xe, mắc điện trực tiếp, điều khiển đến Long Xuyên tìm chỗ bán nhưng không bán được xe, sau đó B1 chở B2 đến tiệm game bắn cá “Mộng Quyên” (tổ 4, khóm TC, phường T, thành phố K), cầm cho Trần Bích Thạnh, lấy 1.000.000 đồng, chơi game; sau đó chuộc xe lại và tiếp tục mang đến tiệm game “Đại Long”, cầm cho SaL với giá 2.000.000 đồng, lấy tiền chơi game và mua ma túy sử dụng.

Vụ 2: Khoảng 02 giờ ngày 10/5/2020, B1, B2 tiếp tục rủ nhau đến Công ty chiếu sáng đô thị An Giang (tổ 9, khóm K1, phường X, thành phố K), thấy xe mô tô, biển số 59S2 – 546.90 của Lê Chí T, đỗ trong hàng rào, còn gắn chìa khóa trên xe, không người trông giữ, B1 cảnh giới cho B2 dùng cửa sắt, cây lục giác (chuẩn bị từ trước) cạy ổ khóa hàng rào, lấy trộm xe, điều khiển xe đến gặp Lê Đang B3, nói với B3 xe trộm cấp mà có, nhờ B3 giúp tiêu thụ; B3 nhận lời đem bán cho Nguyễn Tấn T2, lấy 1.200.000 đồng; cùng B3 nạp tiền chơi game 150.000 đồng; B1 lấy 1.050.000 đồng chuộc lại xe mô tô, biển số 67M8 – 3121 (Xe trong vụ 1; B1 cầm cho SaL). Sau khi mua xe của B3, Thành bán cho Quách Văn L1, lấy 1.600.000 đồng.

Quá trình điều tra, còn xác định Trần Văn B1 thực hiện vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Khoảng 16 giờ ngày 20/6/2020, B1 đến cánh đồng (tổ 7, khóm K1, phường X, thành phố K), thấy xe mô tô, biển số 67G1 – 117.27 của Nguyễn Văn P1 còn gắn chìa khóa, không người trông giữ, B1 lấy trộm đem đến khu vực Miếu Ông Bồn (khóm L1, phường P, thành phố K), cất giấu, tìm nơi tiêu thụ; lực lượng Công an thành phố K, tuần tra, phát hiện, mời làm việc, thu giữ tài sản B1 đã lấy cắp trước đó.

Vật chứng thu giữ: 03 xe mô tô, biển số 67M8 – 3121; 59S2 – 546.90; 67G1 – 117.27 (đã trao trả cho các bị hại Lê Thị P, Lê Chí T, Nguyễn Văn P1); 01 đĩa DVD, lưu hình ảnh Trần Văn B1 trộm cắp xe mô tô, biển số 67G1 – 117.27 của Nguyễn Văn P1; các quần áo, nón và biển số xe 67T2-9653 của các bị cáo không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Kết luận định giá tài sản số 122, 145, 146/KL-ĐG, ngày 26/5/2020, 17/6/2020, 11/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K, ghi nhận: xe mô tô, biển số 67M8 – 3121, trị giá 3.000.000 đồng (của bị hại Lê Thị P); xe mô tô biển số 59S2 – 546.90, trị giá 7.000.000 đồng (của bị hại

Lê Chí T); tổng trị giá 10.000.000 đồng; xe mô tô biển số 67G1 – 117.27, trị giá 3.500.000 đồng (của bị hại Nguyễn Văn P1).

Cáo trạng số 106/CT-VKSCĐ ngày 11 tháng 09 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173; Lê Đang B3 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Kháng định Cáo trạng số 106 ngày 11/9/2020 của VKSND TP Châu Đốc truy tố các bị cáo Trần Văn Quý, Nguyễn Hoài B2 về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173; Lê Đang B3 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này, có nhiều cùng tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm (giản đơn), không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia thực hiện tội phạm.

Trước hết đối với bị cáo Trần Văn B1 là người có vai trò chính, rủ rê bị cáo B2 cùng tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Trong các ngày 04/5/2020, 10/5/2020, bị cáo đứng cảnh giới cho B2 vào lấy trộm 02 xe mô tô trị giá 10.000.000 đồng. Sau khi B2 dẫn xe ra ngoài, bị cáo B1 trực tiếp điều khiển xe tìm nơi tiêu thụ và bán lấy tiền chơi game bắn cá, mua ma túy sử dụng hết. Ngoài ra, riêng bị cáo còn thực hiện trộm cắp 01 xe mô tô biển số 67G1 - 117.27 (3.500.000 đồng), nhưng chưa kịp đem bán thì bị phát hiện, thu giữ. Như vậy, bị cáo B1 thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên mức định lượng xử lý hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Hoài B2 là có vai trò là người thực hành, giúp sức rất tích cực cùng với bị cáo B1 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Khi được B1 rủ đi lấy trộm, bị cáo B2 đồng ý và trực tiếp lấy trộm 02 xe mô tô (xe biển số 67M8 – 3121, trị giá 3.000.000 đồng và xe biển số 59S2 - 546.90 (trị giá 7.000.000 đồng), tổng trị giá 10.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo B2 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên mức định lượng xử lý hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm là người thực hành, nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng dành cho bị cáo, nhưng thấp hơn mức hình phạt của bị cáo B1.

Đối với bị cáo Lê Đang B3, không hứa hẹn trước với B1, B2 trong việc tiêu thụ xe nên không là đồng phạm trong vụ án. Sau khi lấy trộm xe mô tô biển số

59S2 – 547.90 (trị giá 7.000.000 đồng) thì B1, B2 mới cho B3 biết là tài sản do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, B3 vẫn đồng ý nhận lời, cùng với Quý đem xe bán cho Nguyễn Tấn T2 được 1.200.000 đồng, để hưởng lợi cùng Quý nạp điểm chơi game 150.000 đồng thua hết. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có và cũng cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2 thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu hồ sơ vụ án; Vì vậy, bị cáo B1, B2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Đang B3 thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; số tiền hưởng lợi từ việc phạm tội không lớn; thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện ăn năn hối cải; nhân thân không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có khung hình phạt đến 03 năm tù. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo B3 ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo chấp hành án dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa B3 cũng đủ có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về vật chứng: 03 xe mô tô, các biển số 67M8 - 3121, 59S2 - 546.90, 67G1 - 117.27, đã trao trả cho các bị hại Lê Thị P, Lê Chí T, Nguyễn Văn P1 nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 đĩa DVD, lưu hình ảnh Trần Văn B1 trộm cắp xe mô tô, biển số 67G1 - 117.27 của Nguyễn Văn P1 là vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên đề nghị tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Đối với quần áo, nón, biển số xe 67T2-9653 thu giữ của các bị cáo không còn giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về dân sự: Các bị hại Lê Thị P, Lê Chí T, Nguyễn Văn P1 đã nhận lại tài sản bị mất trộm; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Bích T1, SaL, Nguyễn Tấn T2, Quách Văn L1 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

Đề nghị xử lý

a) Về trách nhiệm hình sự:

* Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn B1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản

1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài B2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đăng B3 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo luật định. Giao bị cáo Lê Đăng B3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

* Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD, lưu hình ảnh Trần Văn B1 trộm cắp xe mô tô, biển số 67G1 - 117.27 của Nguyễn Văn P1; tịch thu tiêu hủy quần áo, nón, biển số xe 67T2-9653 của bị cáo không còn giá trị sử dụng.

c) Trách nhiệm dân sự: Không.

Đối với: Trần Bích T1, SaL, Nguyễn Tấn T2, Quách Văn L1, khi nhận cầm, mua, xe mô tô, không biết tài sản do phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố K, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Xét, những người vắng mặt đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung,

[4] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2 thừa nhận: Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 03 giờ ngày 04/5/2020 B1, B2 rủ nhau đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến Cơ sở hoa kiểng “T.P” thuộc tổ 07, khóm K1, phường X, thành phố K thấy xe mô tô biển số 67M8 – 3121 của Lê Thị P đang đỗ, không người trông giữ, B1 cảnh giới cho B2 dùng kiềm cắt rào lưới B40, lên vào lấy trộm xe sau đó mang đến tiệm game “Mộng Quyên” cầm cho Trần Bạch Thanh, lấy 1000.000 đồng chơi game, sau đó chuộc lại xe tiếp tục mang đến tiệm game “Đại Long”, cầm cho SaL lấy 2.000.000 đồng, chơi game và mua ma túy sử dụng.

Khoảng 02 giờ ngày 10/5/2020, B1, B2 tiếp tục rủ nhau đến Công ty Chiếu sáng Đô thị An Giang thuộc Tổ 9, khóm K1, phường X, thành phố K, thấy xe mô tô, biển số 59S2 – 546.90 của Lê Chí T, đỗ trong hàng rào, còn gắn chìa khóa, không người trông giữ, B1 cảnh giới cho B2 dùng cửa sắt, cây lục giác đã chuẩn bị từ trước cạy ổ khóa hàng rào, lấy trộm xe sau đó mang đến gặp Lê Đàng B3, nói xe trộm mà có, nhờ B3 tiêu thụ, B3 nhận lời sau đó đem bán cho Nguyễn Tấn T2, lấy 1.200.000 đồng, sau đó nạp tiền chơi game 150.000 đồng; B1 lấy 1.050.000 đồng trả tiền xe mô tô, biển số 67M8 – 3121 xe cầm cho SaL trong vụ thứ nhất. Sau khi cầm xe của B1, Thành đem bán cho Quách Văn L1, lấy 1.600.000 đồng.

Trần Văn B1 còn khai nhận có thực hiện vụ trộm cắp tài sản xe mô tô, biển số 67G1 – 117.27 của Nguyễn Văn P1, vào khoảng 16 giờ ngày 20/6/2020 tại cánh đồng thuộc Tổ 7, khóm K1, phường X, thành phố K.

[5] Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại: Lê Thị P, Lê Chí T, Nguyễn Văn P1; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ra, còn phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K lập ngày 04/5/2020, ngày 10/5/2020, ngày 11/6/2020, biên bản thu giữ vật chứng và diễn biến đoạn camera thu giữ.

[6] Từ đó, có căn cứ xác định Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2 cùng nhau có hành vi 02 lần lấy trộm của Lê Thị P, Lê Chí T 02 xe mô tô, tổng trị giá 10.000.000 đồng. Trần Văn B1 trộm cắp xe mô tô trị giá 3.500.000 đồng của Nguyễn Văn P1. Như vậy, B1 03 lần chiếm tổng trị giá 13.500.000 đồng; B2 02 lần chiếm đoạt tổng trị giá 10.000.000 đồng.

Lê Đàng B3 có hành vi tiêu thụ xe mô tô trị giá 7.000.000 đồng, biết rõ do Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2 phạm tội mà có, để hưởng lợi cùng chơi game số tiền 150.000 đồng. Vì vậy, B1, B2, B3 phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mỗi người gây ra.

[7] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 173, khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, có nhiều cùng tham gia thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm (giản đơn), không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng tham gia thực hiện tội phạm. Trong đó, bị cáo Trần Văn B1 là người có vai trò chính, rủ rê bị cáo B2 cùng tham gia thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Nguyễn Hoài B2 là có vai trò là người thực hành, giúp sức rất tích cực cùng với bị cáo B1 thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản. Đối với bị cáo Lê Đăng B3, không hứa hẹn trước với B1, B2 trong việc tiêu thụ xe nên không là đồng phạm trong vụ án. Sau khi lấy trộm xe mô tô biển số 59S2 – 547.90 (trị giá 7.000.000 đồng) thì B1, B2 mới cho B3 biết là tài sản do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, B3 vẫn đồng ý nhận lời, cùng với Quý đem xe bán cho Nguyễn Tấn T2 được 1.200.000 đồng, để hưởng lợi cùng Quý nạp điểm chơi game 150.000 đồng thua hết.

[9] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B1 và B2 đều thực hiện nhiều lần trộm cắp tài sản, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên mức định lượng xử lý hình sự nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Văn B1, Nguyễn Hoài B2 thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp; quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Vì vậy, bị cáo B1, B2 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Đăng B3 thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; số tiền hưởng lợi từ việc phạm tội không lớn; thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thể hiện ăn năn hối cải; nhân thân không tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu có khung hình phạt đến 03 năm tù. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa.

[10] Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và B2 vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa B3. Các bị cáo đang ở độ tuổi lao động, lẽ ra nên tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân và giúp đỡ gia đình. Tuy nhiên, do lười

lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài một cách nhanh chóng nên các bị cáo đã dần thân vào con đường phạm tội. Xét, cần cách ly bị cáo B1, B2 khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định để đảm B2 tính rắn đẽ, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Riêng bị cáo B3 có nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo B3 ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo chấp hành án dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa B3 cũng đủ có tác dụng rắn đẽ, giáo dục và phòng ngừa chung.

[11] Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Lưu đĩa DVD trích xuất camera về hành vi phạm tội của bị cáo B1, B2 và tịch thu tiêu hủy quần áo, nón, biển số xe 67T2-9653 không còn giá trị sử dụng.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Do các bị hại, những người liên quan không yêu cầu, nên không đề cập để giải quyết.

[14] Vấn đề khác: Trần Bích T1, SaL, Nguyễn Tấn T2, Quách Văn L1 khi cầm, mua xe mô tô của các bị cáo, không biết tài sản do phạm tội mà có, tuy không xử lý nhưng cần giáo dục công khai tại phiên tòa.

[15] Về án phí: Các bị cáo B1, B2 và B3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn B1 và Nguyễn Hoài B2 đồng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn B1: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 11/6/2020 (ngày *mười một, tháng sáu, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hoài B2: 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 09/7/2020 (ngày *chín, tháng bảy, năm hai ngàn không trăm hai mươi*).

Tuyên bố bị cáo Lê Đăng B3 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt; Bị cáo Lê Đăng B3: 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo;

Thời gian thử thách đối với bị cáo là 02 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án (28/9/2020).

Giao bị cáo Lê Đăng B3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố K, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự;

- Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD, lưu hình ảnh Trần Văn B1 trộm cắp xe mô tô, biển số 67G1 - 117.27 của Nguyễn Văn P1.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 áo thun ngắn tay màu đen, ngực trái có logo tròn màu trắng, sau lưng có logo tròn màu vàng đen trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 quần sọt màu đen, đã qua sử dụng;

+ 01 quần jean lửng màu xanh, đã qua sử dụng;

+ 01 áo sơ mi dài tay màu đen, tay áo có đường sọc đỏ, trước ngực áo có chữ “Gucci”, đã qua sử dụng;

+ 01 nón kết màu xanh, có dòng chữ “True Religion”, “Buffalos”, đã qua sử dụng;

+ 01 nón B2 hiểm màu trắng đen, đã qua sử dụng;

+ 01 biển số xe 67T2-9653, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/9/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K).

Áp dụng Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo B1, B2 và B3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo (B1, B2 và B3) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Long) có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lư Thị Châu Ngọc